

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 16 tháng 7 năm 2026, về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân và gia đình.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 1045/2026/TLST - VHNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1984; Số CCCD: 001184008547.
HKTT: Tổ C, phường L, Thành phố Hà Nội. Nơi cư trú: Số E ngách F đường N, tổ C, phường L, Hà Nội.

- Ông **Trần Ngọc M**, sinh năm 1981; Số CCCD: 001081032193.
HKTT: Tổ C, phường L, Thành phố Hà Nội. Nơi cư trú: Số D Đ, tỉnh lộ 743, phường B, thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Ngọc M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 28/12/2005 tại UBND phường T, nay là UBND phường V, Hà Nội, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống ông bà xảy ra mâu thuẫn, đã hòa giải hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay ông bà xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[2]. Về con chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Ngọc M thống nhất xác nhận có 02 con chung là cháu Trần Tuấn L (nam), sinh ngày 23/10/2008 và cháu Trần Hồng Q (nam), sinh ngày 11/3/2011 con chung phát triển bình thường. Ly hôn ông M và bà T thỏa thuận; bà T là người chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Trần Hồng Q, ông M là người nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Trần Tuấn L. Về cấp dưỡng nuôi con chung ông M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà T đối với cháu Trần Hồng Q 10.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 7/2026 cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi.

[3]. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Ngọc M thống nhất xác nhận tự thỏa thuận, ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Ngọc M thống nhất xác nhận vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng, ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị T tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Trần Ngọc M.

- Về con chung: Xác nhận giữa bà Nguyễn Thị T và ông Trần Ngọc M có 02 con chung là cháu Trần Tuấn L (nam), sinh ngày 23/10/2008 và cháu Trần Hồng Q (nam), sinh ngày 11/3/2011 con chung phát triển bình thường. Giao ông Trần Ngọc M là người nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Trần Tuấn L, bà Nguyễn Thị T là người nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Trần Hồng Q; kể từ tháng 7/2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Ngọc M, ông M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà T đối với cháu Trần Hồng Q 10.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 7/2026 cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi.

Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Ngọc M có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Ngọc M thống nhất xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, Tòa không xét.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Ngọc Minh xác N không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Tòa không xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị T tự nguyện chịu cả 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, đã nộp tại Biên lai số 0001052 ngày 13/7/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân khu vực 3;
- THADS TP Hà Nội;
- UBND phường Vĩnh Hưng, Hà Nội (để ghi vào sổ hộ tịch: GCNKH số 107, quyển số 01 ngày 28/12/2005);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Xuân Phương